TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NG** **TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:15/2022/QĐST – HNGĐ	*Ng, ngày 19 tháng 5 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 44/2022/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022. Giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị M, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn 4 thị trấn P, huyện Ng, tỉnh K.

- Bị đơn: Anh Lê Đức V; sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 02 Hai Bà Trưng, tổ dân phố 7 thị trấn P, huyện Ng, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình,

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vi Thị M với anh Anh Lê Đức V.

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị M với anh Lê Đức V thỏa thuận thuận tình ly hôn, hôn nhân giữa anh chị chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (19 - 5 - 2022).

-Về con chung: Chị Vi Thị M với anh Lê Đức V có 01 con chung tên là Lê Tâm B, sinh ngày 01/8/2018. Chị Vi Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; Các bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng đối với bên không trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

-Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Căn cứ Điều 144 và khoản 3,4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chị Vi Thị M và anh Lê Đức V mỗi người phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị M nhận nộp thay cho anh V nên chị Vi Thị M phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước. Chị Vi Thị M được chuyển 150.000đ tiền tạm ứng án phí sang tiền án phí và được nhận lại số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0002830 ngày 29- 4- 2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng, tỉnh K.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Nguyên đơn; Bị đơn
-VKSND huyện; THADS huyện
- UBND thị trấn P – Ng – K T (nơi ĐKKH).
-Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Kim Oanh